

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 1271/TC-QĐ-CĐKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 1995

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1271-TC/QĐ/CĐKT

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 1995

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành chế độ kế toán hộ kinh doanh

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28-10-1994 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Pháp lệnh kế toán và thống kê (công bố theo lệnh số 06-LCT/HĐN N ngày 20-5-1988 của Hội đồng Nhà nước) và Điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước ban hành theo Nghị định số 25-HĐBT ngày 18-3-1989 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, tài chính; theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ chế độ kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Chế độ kế toán hộ kinh doanh".

Điều 2. Chế độ kế toán hộ kinh doanh áp dụng cho tất cả các hộ sản xuất, kinh doanh chưa đủ điều kiện lập doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, nông lâm nghiệp, xây dựng, vận tải, khai thác tài nguyên, nuôi

trồng thủy sản, kinh doanh thương nghiệp, ăn uống, dịch vụ và các dịch vụ khác về văn hoá, giáo dục, đào tạo, khám chữa bệnh, v.v... (dưới đây gọi tắt là hộ KD).

Điều 3. Chế độ kế toán hộ kinh doanh thi hành thống nhất trong cả nước 1-1-1996 và thay thế Chế độ kế toán sản xuất, kinh doanh ngoài quốc doanh ban hành theo Quyết định số 598 TC/CĐKT ngày 8-12-1990 của Bộ Tài chính.

Điều 4. Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các ngành có liên quan ở địa phương giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hướng dẫn kiểm tra các hộ kinh doanh trong việc thực hiện chế độ kế toán này.

Điều 5. Cơ quan thuế căn cứ vào sổ liệu, tài liệu kế toán của các hộ kinh doanh làm căn cứ tính số thuế phải thu. Nếu xét thấy các hộ kinh doanh không thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định của chế độ kế toán hộ kinh doanh, cơ quan thuế có quyền ấn định mức doanh thu tính thuế và lợi tức chịu thuế, đồng thời tiến hành xử phạt hành chính về vi phạm chế độ kế toán và xử phạt về hành vi trốn lậu thuế theo luật định.

Điều 6. Các hộ kinh doanh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng cục trưởng Tổng cục thuế, Vụ trưởng Vụ chế độ kế toán chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và thi hành Quyết định này.

Vũ Mộng Giao

(Đã Ký)

CHẾ ĐỘ

Kế toán hộ kinh doanh

*(Ban hành theo Quyết định số 1271TC/QĐ/CĐKT ngày 14-12-1995 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tất cả các hộ kinh doanh chưa đủ điều kiện lập doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong các lĩnh vực: sản xuất công nghiệp, nông lâm nghiệp, xây dựng, vận tải, khai thác tài nguyên, nuôi trồng thủy sản, kinh doanh thương nghiệp, ăn uống, phục

vụ và dịch vụ khác như nhà khách, văn hoá, du lịch đào tạo, giáo dục, khám chữa bệnh, tư vấn, sửa chữa, vui chơi, giải trí... dưới đây gọi chung là "Hộ kinh doanh" có doanh thu trên mức tính thuế bình quân tháng tùy theo từng ngành quy định tại Điều 14 Luật thuế doanh thu (được công bố theo Nghị quyết số 270B-NQ/HĐNN8 ngày 8-8-1990 và bổ sung sửa đổi theo Nghị quyết số 427-NQ/HĐNN8 ngày 10-9-1991 của Hội đồng Nhà nước) đều phải thực hiện chế độ kế toán này.

Điều 2. Kế toán các hộ kinh doanh phải đảm bảo phản ánh các nội dung chủ yếu sau đây:

- Số lượng và giá trị tài sản, vật tư, tiền vốn, công nợ và lao động dùng trong sản xuất kinh doanh.
- Số lượng và giá trị vật tư, hàng hoá mua vào, bán ra.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh như chi phí về vật liệu, khấu hao tài sản cố định, chi phí tiền công và các chi phí khác.
- Số lượng và giá trị sản phẩm, công tác lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp.
- Kết quả sản xuất kinh doanh, các khoản nộp cho Nhà nước và phân phối kết quả.

Điều 3. Kế toán các hộ kinh doanh phải ghi chép đầy đủ, kịp thời, trung thực mọi hoạt động kinh tế, tài chính. Mọi hoạt động kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi chép đầy đủ vào chứng từ kế toán. Mọi số liệu ghi trên sổ, báo cáo kế toán phải có chứng từ hợp lệ. Việc lập chứng từ và ghi sổ kế toán phải đúng ngày, tháng phát sinh. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm phải khoá sổ kế toán, lập bảng kê khai tính thuế theo quyết định.

Điều 4. Việc ghi chép chứng từ kế toán ở các hộ kinh doanh phải dùng chữ viết, chữ số phổ thông và các đơn vị tính theo quy định hiện hành để phản ánh vật tư, tài sản, chi phí, kết quả và phân phối kết quả kinh doanh. Về giá trị, đơn vị tính là "đồng Việt Nam"; về hiện vật, đơn vị tính là đơn vị đo lường chính thức của Nhà nước (như: cái, chiếc, kg, tấn, m, m², m³, lít).

Điều 5. Sổ kế toán của các hộ kinh doanh phải được đóng thành quyển, ghi số thứ tự từng trang, giữa các trang có đóng dấu giáp lai của cơ quan thuế. Ngoài bìa ghi rõ

tên hộ, địa chỉ kinh doanh, tên sổ, sổ trang, ngày, tháng, năm mở sổ, tên người giữ và ghi sổ.

- Ngày đầu năm hoặc khi bắt đầu đăng ký sản xuất kinh doanh các hộ kinh doanh phải mở sổ kế toán mới, lập danh mục sổ và đăng ký với cơ quan thuế quận, huyện.
- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán để ghi vào sổ kế toán có liên quan.
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm phải cộng sổ, tính doanh thu hàng hoá sản phẩm bán ra và lao vụ dịch vụ đã cung cấp, đối chiếu số liệu giữa các sổ kế toán; đối chiếu số liệu kế toán với số thực tế về tiền mặt trong quỹ và vật tư, sản phẩm, hàng hoá trong kho, ở quầy, trên dây chuyền sản xuất.

Đầu năm học khi hết sổ các hộ kinh doanh phải mở sổ kế toán mới và chuyển các số liệu liên quan từ sổ kế toán cũ sang sổ kế toán mới.

Điều 6. Mọi việc ghi chép trên chứng từ, sổ kế toán phải dùng mực không phai, không được bỏ trống dòng, không được viết tắt, không được viết xen kẽ, không được viết chồng đè, không được tẩy xoá. Nếu viết sai thì phải gạch bỏ chỗ sai bằng một gạch, ghi chữ hoặc số đúng lên phía trên và người sửa chữa ký tên ở bên cạnh. Nếu viết sót thì viết bổ sung lên phía trên chỗ sót và ký tên người viết bổ sung ở bên cạnh.

- Các hộ sản xuất kinh doanh phải bố trí người biết nghiệp vụ kế toán để giữ và ghi sổ kế toán. Sổ, chứng từ và các tài liệu kế toán khác phải được sắp xếp, bảo quản và lưu trữ theo đúng thời gian quy định trong chế độ bảo quản, lưu trữ hồ sơ tài liệu kế toán.

Chương II

CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

Điều 7. Chứng từ kế toán của hộ kinh doanh bao gồm:

- Chứng từ từ bên ngoài: Là chứng từ do hộ kinh doanh nhận được của các cơ quan, các tổ chức kinh tế, cá nhân bên ngoài lập như: Biên lai nộp thuế, giấy báo có, báo nợ, uỷ nhiệm chi, séc, giấy biên nhận, phiếu xác nhận, các loại hoá đơn, v.v..
- Chứng từ do hộ kinh doanh lập: Gồm hoá đơn bán hàng, dịch vụ, hoá đơn cước vận chuyển, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, bảng chấm công và các chứng từ có